



Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế

Trang chủ: <http://tapchi.ftu.edu.vn>

TÌM HIỂU VIỆC NGHIÊN CỨU NHO HỌC GIAI ĐOẠN 2000 - 2010 QUA PHÂN TÍCH TẦN SỐ TỪ CỦA TỪ KHOẢ “KINH ĐIỂN NHO GIA” TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU CNKI VÀ EBSCO

Nguyễn Bảo Ngọc¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 01/02/2020; Ngày hoàn thành biên tập: 04/12/2020; Ngày duyệt đăng: 18/12/2020

Tóm tắt: Kinh điển Nho gia không chỉ ảnh hưởng đến lịch sử Trung Quốc cách đây hơn 2000 năm mà còn trở thành tài sản chung của nền văn minh nhân loại. Đến nay, không chỉ ở Trung Quốc mà thế giới cũng có nhiều nhà nghiên cứu nghiên cứu Kinh điển Nho gia. Bài viết làm rõ khái niệm Kinh điển Nho gia và giới thiệu sơ lược phương pháp nghiên cứu tần số từ. Thông qua thu thập nghiên cứu có từ khóa “儒家经典” và “Confucian classics” (Kinh điển Nho gia) trong cơ sở dữ liệu CNKI và EBSCO, sử dụng phương pháp phân tích thống kê SPSS, áp dụng lý thuyết về tần số từ, bài viết phân tích và so sánh nghiên cứu của Kinh điển Nho gia của giới học thuật giai đoạn 2000-2010 trên phương diện tiếp cận là tác giả, đơn vị nghiên cứu và lĩnh vực nghiên cứu.

Từ khóa: Kinh điển Nho gia, 儒家经典, Tần số từ (TF), CNKI, EBSCO

ANALYSIS OF THE FREQUENCY OF THE WORDS “CONFUCIAN CLASSICS” IN CNKI AND EBSCO DATABASES IN THE PERIOD 2000-2010

Abstract: Confucianism classics and their thoughts have not only influenced the Chinese history more than 2000 years ago, but also become the common property of human civilization. Up to now, there have been many Chinese and international scholars focussing on studying Confucianism classic. This study is derived from the clarification of the classical Confucian concept and the introduction of the research method of magnetic frequency. It is also based on data analysis in the digital resource library of the China CNKI aggregated knowledge resource database and EBSCO's multidisciplinary full-text database, using the frequency of keywords or subject words. The author explains the core content of a document in a given area of study. This paper draws conclusions and compares research of Confucian classics in the world and in China during the period of 2000-2010.

Keywords: Confucian classics, Term-frequency (TF), CNKI, EBSCO

¹ Tác giả liên hệ, Email: ngocnb@ftu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong 10 năm cuối thế kỷ XX, Nho giáo đã dần được hồi sinh phục hưng. Tại Trung Quốc đã xuất hiện một phong trào khôi phục văn hoá truyền thống và phát triển thành “con sốt Nho học”. Tư tưởng Nho gia còn được các nước trên thế giới tiếp thu, truyền bá và có ảnh hưởng nhất định. Trong thời gian từ năm 2000 đến 2010 có rất nhiều các công trình nghiên cứu về Kinh điển Nho gia tại Trung Quốc cũng như trên thế giới. Dựa trên số liệu trong thư viện tài nguyên số của cơ sở dữ liệu tài nguyên tri thức tổng hợp của Trung Quốc (CNKI) và cơ sở dữ liệu toàn văn đa ngành của ASP của EBSCO, sử dụng tần số của từ khóa hoặc từ chủ đề để giải thích hoặc diễn đạt nội dung cốt lõi của tài liệu trong một lĩnh vực nghiên cứu nhất định để có cái nhìn tổng quát và chính xác mức độ nghiên cứu của các học giả thế giới trong các lĩnh vực về Kinh điển Nho gia giai đoạn 2000-2010.

2. Khái niệm, nguồn dữ liệu và phương pháp tần số từ

2.1 Giới thiệu về CNKI và EBSCO

CNKI (China National Knowledge Infrastructure, 中国知网) ban đầu vốn là dự án cơ sở hạ tầng tri thức của Trung Quốc. Sau đó, dự án cơ sở hạ tầng tri thức đã phát triển hạng mục "Thư viện số CNKI" với lượng thông tin toàn văn lớn nhất trên thế giới thành "Cơ sở dữ liệu tài nguyên tri thức Trung Quốc". CNKI là hệ thống tài nguyên tri thức tích hợp của Trung Quốc, bao gồm tạp chí, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, kỷ yếu, báo chí, niên giám, niên giám thống kê, sách điện tử, bằng sáng chế và, tiêu chuẩn. CNKI đã trở thành thư viện trực tuyến học thuật lớn nhất và được truy cập nhiều nhất ở Trung Quốc.

Cơ sở dữ liệu ASP (Academic Journal Full-text Database) của EBSCO là cơ sở dữ liệu toàn văn đa ngành lớn nhất, cung cấp nhiều nội dung và tạp chí toàn văn có giá trị cho các trường đại học và tổ chức học thuật.

Cơ sở dữ liệu này bao gồm toàn văn của hơn 3260 tạp chí, tóm tắt và mục lục của hơn 4250 tạp chí.

Vì vậy, tìm hiểu việc nghiên cứu Kinh điển Nho gia giai đoạn 2000-2010 qua phân tích số liệu trên cơ sở dữ liệu CNKI và EBSCO đáng được tin cậy.

2.2 Kinh điển Nho gia

Theo Frank Kermode (trích dẫn trong Balz (1990), *Poetry and Community*) người đầu tiên dùng từ “kinh điển” (classic) để chỉ một tác

phẩm văn học kiệt xuất cho rằng kinh điển có thể được hiểu một cách đơn giản là bất hủ, bất tử, tồn tại với thời gian.

Trong tiếng Hán, chữ kinh điển (经典) gồm kinh (经) và điển (典). Trong chữ ‘kinh’ (经) gồm bộ ‘mịch’ (纟) và bộ ‘kinh’ (丵), theo chú giải trong sách *Thuyết văn giải tự* của Xu (2012): “Kinh, chức dã. Tòng hệ, kinh thanh (经, 织也。从系, 丵声), “丵” chỉ những con sông chảy trên mặt đất, sau đó kết hợp với bộ “纟”, biểu thị sợi ngang của đồ đan dệt, sau mở rộng ra có nghĩa là “quy phạm”, “tiêu chuẩn”. ‘Điển’ (典) vốn để chỉ sách, quyển để ở trên giá. ‘Kinh’ (经) và ‘điển’ (典) ghép lại với nhau và trải qua quá trình thay đổi và phát triển có nghĩa là “kinh điển” như hiện nay.

Khổng Tử đã thu thập, chỉnh lý lại tài liệu, kinh điển cổ của nhà Nho các nước thời Chiến Quốc như Lễ, Chu, Tống, Kỷ gia công biên soạn lại bao gồm “lục kinh” là Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu. Nhưng khi Tần Thủy Hoàng thực hiện “đốt sách chôn Nho” thì kinh Nhạc bị mất đi, nên sáu bộ sách lúc này chỉ còn lại năm và có tên gọi chung là “Ngũ kinh”.

Hán Vũ Đế (156-87 TCN) “bãi truất bách gia, biểu chương lục kinh” và lập ra “ngũ kinh Tiến sĩ”, Thi (gồm Lễ Thi, Tề Thi, Hán Thi), Thư, Lễ (Nghị Lễ), Dịch, Xuân Thu (Công Dương Truyện), lúc bấy giờ Ngũ thư được định thành “kinh điển” Nho gia.

Trong quá trình phát triển Nho giáo tại Trung Quốc, Kinh điển Nho gia phát triển thành “Thất kinh” (thêm hai quyển Hiếu kinh và Luận ngữ), “Cửu Kinh” (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu, Chu Lễ, Nghị Lễ, Luận ngữ và Hiếu kinh); “Thập nhị kinh” (Dịch, Thư, Thi, Chu Lễ, Nghị Lễ, Lễ Kí, Tả truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện, Luận ngữ, Hiếu kinh, Nhĩ Nhã) và đến thời Tống thêm sách Mạnh Tử để trở thành “Thập tam kinh”.

Cuối năm 1999 là dấu mốc quan trọng, lần đầu tiên sau 50 năm Chính phủ Trung Quốc tổ chức kỷ niệm 2550 năm sinh Khổng Tử, tạo tiền đề phục hưng đạo Khổng trong thế kỉ XXI. Hiện tượng “Vu Đan - Luận ngữ” năm 2006 là sự kiện văn hóa nổi bật nhất đã gây nên một “cơn sốt Quốc học” ở Trung Quốc. Tháng 11 năm 2006, Luận ngữ tâm đắc được phát hành lần đầu ở Trung tâm Sách ở khu Trung Quan Thôn, thành phố Bắc Kinh. Trong ngày đầu phát hành đã bán ra hơn 12.600 quyển, trong đó tác giả Vu

Đan đã kí 10.600 quyển, lập kỉ lục mới về số lượng kí và bán lẻ sách ở Trung Quốc. Nho học đã thực sự phục hưng, “Nho gia nhiệt” (con sốt Nho học) là cụm từ được xuất hiện với tần số khá phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc hội thảo cũng như các chương trình của truyền hình quốc gia Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỉ XXI. Các nhà nghiên cứu Nho học ở Trung Quốc và trên thế giới đang giải thích lại Kinh điển Nho gia, từ đó, đưa Nho học lại trở thành hình thái tư tưởng khoa học hiện đại, hoặc có sự chuyển đổi đầy sáng tạo để có thể hội nhập với dòng chảy lớn của văn hoá thế giới đa nguyên.

2.3 Phân tích tần số từ

“Tần số từ” là một kỹ thuật trọng số được sử dụng trong truy xuất thông tin và khai thác văn bản để đánh giá mức độ lặp lại của một từ cho một tài liệu hoặc một tập hợp các tài liệu miền trong một kho ngữ liệu. Thống kê tần số từ cung cấp các phương pháp và quan điểm mới cho nghiên cứu học thuật.

Li (2002) khi đề cập tới “Kỹ thuật tìm kiếm thông tin” theo phương pháp phân tích từ chủ đề và phương pháp ứng dụng từ chủ đề đã cho rằng: “Phương pháp phân tích tần số từ là một phương pháp thư mục sử dụng tần số của các từ khóa hoặc từ chủ đề có thể tiết lộ hoặc thể hiện nội dung cốt lõi của tài liệu trong một lĩnh vực nghiên cứu nhất định để xác định điểm nóng nghiên cứu và xu hướng phát triển của lĩnh vực đó”. Còn theo giả định của Luhn (1958) các tài liệu giả định có chứa nhiều lần xuất hiện cụm từ truy vấn hơn có thể phù hợp hơn. Sau đó, xếp hạng các tài liệu theo tần số từ của chúng (lưu ý ở đây và trong lĩnh vực truy xuất thông tin nói chung “tần số” có nghĩa là chỉ đếm số lượng).

Do đó, đối với những mô hình này tiếp cận các thuật ngữ, tốt nhất là chỉ sử dụng tiêu đề, từ khóa của văn bản để xác định giá trị thích hợp nhất hoặc để tìm hiểu mối quan hệ của chúng.

Có nhiều mô hình cho cách tiếp cận này, bao gồm các công trình của [Spärck](#) (1972), Turtle & Croft (1992), Wong & Yao (1995), Ponte & Croft (1998), Tian & Yanmei (2010), *Ma* (2014), Yang (2016). Những cách tiếp cận này chủ yếu liên quan đến việc ước lượng các thông số mô hình và xây dựng công thức trọng số hướng tới tích hợp.

Tần số từ dùng để tính số lần xuất hiện của từ trong văn bản. Nếu thuật

ngữ đó xuất hiện càng nhiều thì trọng số càng cao. Có thể hiểu đơn giản khi một thuật ngữ được nhắc tới mười lần thì thuật ngữ đó sẽ có khả năng liên quan hơn so với một nội dung chỉ nhắc tới thuật ngữ đó một lần. Do độ dài mỗi văn bản khác nhau nên tỉ lệ số lần xuất hiện của từ trong văn bản được tính bằng độ dài của văn bản chia cho số lần xuất hiện nhiều nhất của từ:

Công thức tính tần số từ:

$$TF(t, d) = \frac{f(t, d)}{\max\{f(w, d): w \in d\}}$$

Trong đó:

$TF(t, d)$ là số lần xuất hiện từ t trong văn bản d .

$\max\{f(w, d): w \in d\}$ là số lần xuất hiện nhiều nhất của một từ bất kỳ trong văn bản.

Từ khóa của một công trình nghiên cứu là sự cô đọng và chắt lọc nội dung của nghiên cứu, nếu chúng xuất hiện nhiều lần trên các tài liệu của lĩnh vực này, thì có thể phản ánh rằng chủ đề nghiên cứu được thể hiện bằng từ khóa là một điểm nóng nghiên cứu trong lĩnh vực đó. Trong các ứng dụng thực tế, phương pháp này có thể được sử dụng để xác định các điểm nóng nghiên cứu dựa trên tần số xuất hiện của tất cả các từ khóa trong một lĩnh vực nghiên cứu nhất định trong tài liệu của lĩnh vực tương ứng. Bằng cách phân tích tần số xuất hiện của tất cả các từ khóa của các mẫu này trong một khoảng thời gian nhất định, khoảng thời gian trong lĩnh vực này có thể được xác định theo tần số xuất hiện của từ khóa. Do các tạp chí chuyên đề có thể phản ánh rộng rãi và kịp thời các vấn đề khác nhau mà đối tượng quan tâm, bao gồm các quan điểm mới và các xu hướng tiên tiến, nên phương pháp này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

Trong nghiên cứu này, tác giả giới hạn chỉ sử dụng từ khóa “Kinh điển Nho gia” (‘儒家经典’ trong cơ sở dữ liệu CNKI và ‘Confucian classics’ trong cơ sở dữ liệu EBSCO) mà chưa đi vào tìm kiếm nghiên cứu các tác phẩm cụ thể của kinh điển như Dịch, Thư, Thi, Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Kí, Tả truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện, Luận ngữ, Hiếu kinh, Nhĩ Nhã, Mạnh Tử.

3. Số liệu và phân tích

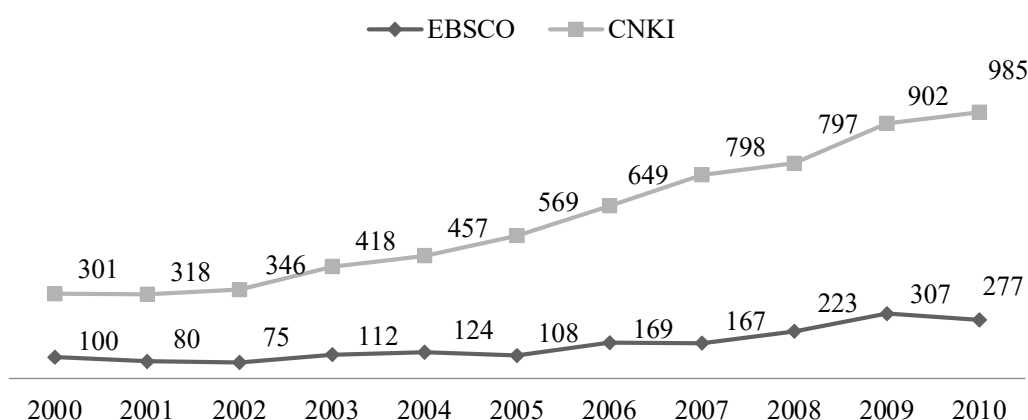
Khổng Tử là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong lịch sử

nhân loại, những tư tưởng của ông không chỉ ảnh hưởng đến lịch sử Trung Quốc cách đây hơn 2000 năm mà còn trở thành tài sản chung của nền văn minh nhân loại. Cho đến nay trên thế giới, có rất nhiều công trình tập trung nghiên cứu về Kinh điển Nho gia.

Thông qua thu thập số liệu công trình nghiên cứu bằng Tiếng Anh trong cơ sở dữ liệu toàn văn đa ngành của ASP của EBSCO và công trình nghiên cứu bằng Tiếng Trung trong thư viện tài nguyên số của cơ sở dữ liệu tài nguyên tri thức tổng hợp của Trung Quốc (CNKI), tác giả tiến hành phân tích tài liệu có liên quan tới nghiên cứu về Kinh điển Nho gia: tải tên văn bản, chuyển dịch, quy nạp, phân loại và phân tích thống kê được kết quả về thực trạng nghiên cứu của các tác giả nước ngoài.

3.1 Về số lượng công trình nghiên cứu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010 có 8282 công trình nghiên cứu được công bố đạt trên cả hai cơ sở dữ liệu có sử dụng từ khóa ‘儒家经典’ và “Confucian classics”, trong đó, tổng số các công trình nghiên cứu trên CNKI và EBSCO lần lượt là 6540 và 1742.



Hình 1. Phân bố số lượng công trình nghiên cứu về Kinh điển Nho gia từ năm 2000 đến năm 2010 trên EBSCO và CNKI

Nguồn: CNKI & EBSCO, 2020

Có thể thấy xu hướng nghiên cứu Kinh điển Nho gia ở Trung Quốc tăng nhanh và đều, trong khi các công trình nghiên cứu Kinh điển trên thế giới ổn định và cũng có tăng nhẹ. Theo số liệu Hình 1, năm 2009 được coi là thời kì đỉnh cao của nghiên cứu Kinh điển Nho gia với 307 bài, năm 2002 có số lượng công trình nghiên cứu ít nhất với 75 bài. Ở Trung Quốc, các công trình nghiên cứu gồm luận văn và luận án về Kinh điển Nho gia tăng

từ 301 bài (năm 2000) lên 985 bài năm 2010. Năm 2005, số lượng công trình nghiên cứu bằng tiếng Trung gấp 5,3 lần so với các công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh (Tiếng Trung: 569 bài, Tiếng Anh: 108 bài) so với tỉ lệ là 3 lần vào năm 2000 (Tiếng Trung: 301 bài, Tiếng Anh: 100 bài) và 4,8 lần vào năm 2010 (Tiếng Trung: 985 bài, Tiếng Anh: 277 bài).

3.2 Về tác giả có số công trình nghiên cứu tiêu biểu

Các nghiên cứu bằng Tiếng Anh: Trong số 1742 bài nghiên cứu về Kinh điển Nho gia, nhiều tác giả đã đăng bài viết với số lượng lớn. Đây chính là các nhà khoa học đóng vai trò hạt nhân với những nghiên cứu thể hiện tính đột phá và chuyên sâu. Số lượng nhóm tác giả này khoảng hơn 20 người, trong đó các tên tuổi lớn phải kể đến Yong Huang, Cheng Chung-Ying Cheng, Sungmoon Kim, Nuyen A., Daniel A. Bell, John Berthrong, Stephen C. A, Paul Mooney, Russell Kirkland, Sor-hoon Tan... Đứng đầu trong danh sách đó là các tác giả Yong Huang, Tiến sĩ Triết học (Đại học Phúc Đán) và Tiến sĩ Tôn giáo học (Đại học Harvard). Với sự quan tâm đến cả hai lĩnh vực nghiên cứu triết học và tôn giáo và quen thuộc với cả truyền thống phương Tây và Trung Quốc, trọng tâm nghiên cứu của ông là các vấn đề đạo đức (cả đạo đức và chính trị) từ góc độ liên ngành và so sánh. Các bài nghiên cứu về kinh điển Nho giáo của ông về triết học Trung Quốc, Khổng Tử, Mạnh Tử, các nghiên cứu về Chu Hy và anh em Nhị Trình.

Cheng Chung Ying - người Đài Loan, Tiến sĩ Triết học của Đại học Harvard - tập trung nghiên cứu 5 lĩnh vực: logic học Trung Quốc; Kinh Dịch, nguồn gốc của triết học Trung Quốc; triết học Nho giáo, Tân Nho giáo; nền tảng thông diễn của triết học phương Đông, phương Tây và triết học Thiền (Zen). Ông là người sáng lập và là giám đốc Tạp chí Triết học Trung Quốc (bằng tiếng Anh), Tập 27 (năm 2000) đến nay, do Nhà xuất bản Blackwell ở London và Boston xuất bản.

Sungmoon Kim, Tiến sĩ về Khoa học Chính trị của Đại học Maryland, College Park. Các mối quan tâm nghiên cứu của ông bao gồm lý thuyết chính trị so sánh (phương Tây và Đông Á), lý thuyết dân chủ Nho giáo và lịch sử tư tưởng chính trị Đông Á. Kim là tác giả của hai cuốn sách “Nền dân chủ của Nho giáo ở Đông Á: Lý thuyết” và “Thực tiễn và Công lý Nho giáo: Chủ nghĩa hoàn thiện dân chủ và Chủ nghĩa hợp hiến ở Đông Á” do Nhà xuất bản Đại học Cambridge xuất bản. Các công trình công bố của ông về Kinh điển Nho gia liên quan tới chữ Mạnh Tử và “Hiếu”, “Nhân” và “dân chủ” của Nho giáo.

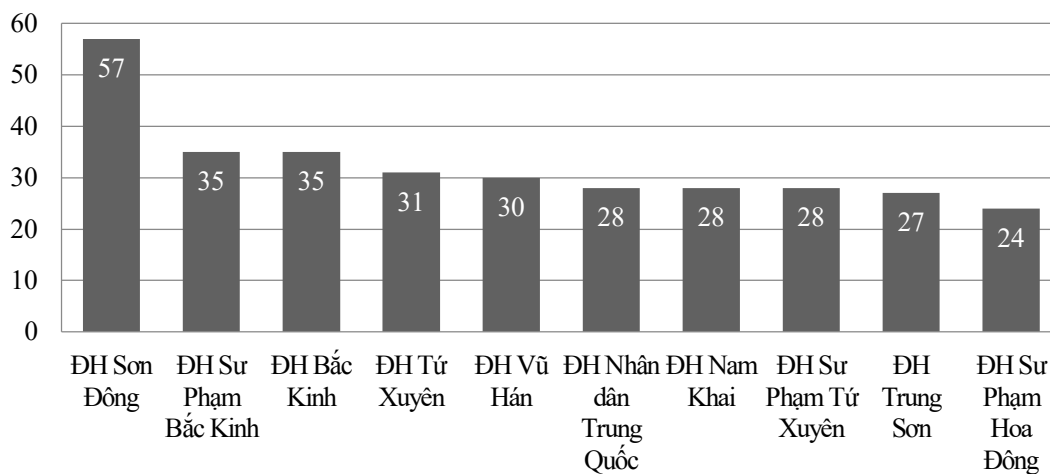
**Bảng 1. Phân bố công trình nghiên cứu công bố trên EBSCO và CNKI
của tác giả nghiên cứu Kinh điển Nho gia giai đoạn 2000-2010**

STT	Tác giả trên EBSCO	Số bài đăng	Tác giả trên CNKI	Số bài đăng
1	Huang, Yong	23	Zhu Hanmin	57
2	Cheng, Chung Ying	21	Cai Fanglu	47
3	Kim, Sungmoon	20	Zhang Fentian	30
4	Nuyen, A	15	Kang Yu	26
5	Bell, Daniel A	13	Shu Dagang	24
6	Berthrong, John	13	Xie Tao Fang	21
7	Angle, Stephen C	10	Chen Qitai	19
8	Mooney, Paul	10	Tang Minggui	18
9	Kirkland, Rusell	9	Li Chenggui	16
10	Tan, Sor-hoon	9	Han Huanzhong	15
11	Boyle, J	8	Jiang Haijun	15
12	Hwang, Kwang-Koo	8	Zhang Jian	15
13	Lee, Jeong-Kyu	8	Wu Zhen	14
14	Richey, Jeffrey L	6	Wu Hongcheng	14
15	Romar, Edward J	6	Jiang Guanghui	13
16	Yao, Xinzhong	6	Jing Haifeng	13
17	Berry, Rita	5	Han Xing	13
18	Black, David W	5	Chen Hanming	13
19	Chuang, Szu-Fang	5	Zhang Hong	12
20	Evers, Colin W	5	Cai Fanglu	12

Nguồn: CNKI và EBSCO, 2020

Các tác giả quốc tế có vai trò hạt nhân này thường là thành viên hoặc thành viên sáng lập viện, trung tâm nghiên cứu hoặc tạp chí chuyên ngành về Trung Quốc tại các trường đại học của Hoa Kỳ. Nhóm tác giả của đại học Harvard (Viện Nghiên cứu Trung Quốc Đương đại của Đại học Harvard, Viện Harvard-Yenching), Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc của Đại học Michigan, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc Đại học California, Nghiên cứu Trung Quốc tại Đại học Cornell, Viện Đông Á thuộc Đại học Columbia. Các tạp chí nổi tiếng Journal of Chinese Philosophy, Philosophy East & West, Asian Philosophy, Journal of Business Ethics, Korea Journal, Journal of Asian Studies, Religious Studies Review, Chinese American forum, China Review International, Conference Papers - American Political Science Association, Journal of Ecumenical Studies, China Perspectives, Harvard Journal of Asiatic Studies, T'oung Pao, American Historical Review.

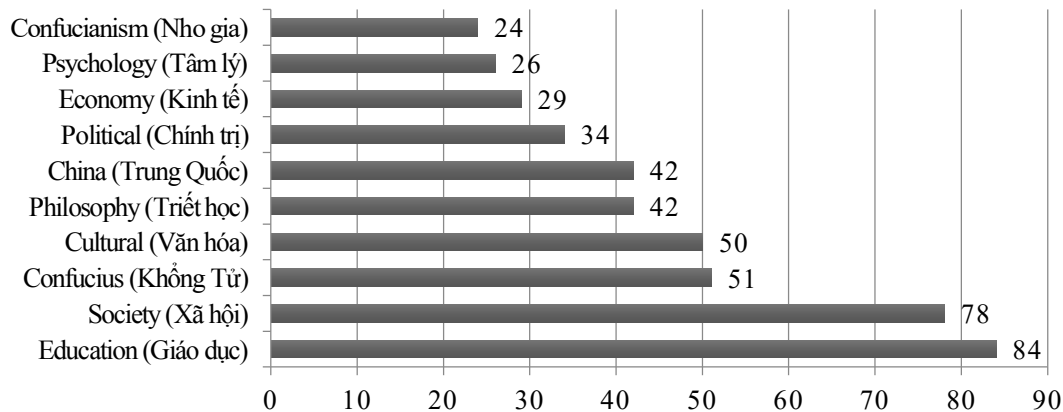
Các nghiên cứu Kinh điển Nho gia bằng Tiếng Trung không bị giới hạn ngôn ngữ và nguồn tư liệu, cho nên có số lượng cũng như lực lượng tác giả đông đảo. Đứng đầu trong giai đoạn này là Zhu, H.M (Chu Hán Dân) với số lượng công trình đồ sộ là 57 bài và Cai, F.L (Thái Phương Lộc) 47 bài. Bên cạnh đó, cũng có thể tổng hợp được các trường đại học nghiên cứu về Kinh điển Nho gia hàng đầu ở Trung Quốc với các tên tuổi lớn như: Đại học Sơn Đông, Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Đại học Tứ Xuyên, Đại học Vũ Hán, Đại học Nhân dân Trung Quốc, Đại học Nam Khai (Hình 2).



Hình 2. Danh sách 10 trường đại học nghiên cứu tiêu biểu về Kinh điển Nho gia ở Trung Quốc giai đoạn 2000-2010

Nguồn: CNKI, 2020

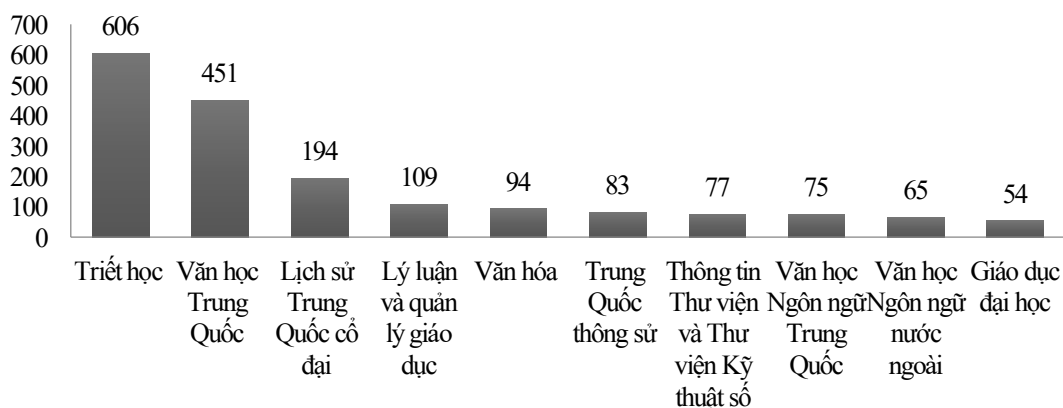
Theo số liệu thống kê, các tác giả nước ngoài nghiên cứu Kinh điển Nho gia từ sớm, đến khi phong trào nghiên cứu Nho giáo ở Trung Quốc được phục hưng thì lượng nghiên cứu tăng nhanh cả về số lượng và lĩnh vực nghiên cứu. Đại học Sơn Đông đi đầu trong các đơn vị nghiên cứu về Kinh điển Nho gia tại Trung Quốc. Sơn Đông là quê hương Khổng Tử, hiện nay có di tích Tam Khổng ở đây, là trung tâm tế lễ và thờ phụng Khổng Tử. Đại học Sơn Đông là trường trọng điểm của tỉnh, được đầu tư đặc biệt để nghiên cứu về Nho giáo và Khổng tử. Vì vậy, Đại học Sơn Đông có số lượng nghiên cứu công bố có phần ưu việt hơn những nơi khác. Căn cứ theo từ khóa của các bài nghiên cứu Kinh điển Nho giáo trong cơ sở dữ liệu thư viện của EBSCO, các từ khóa xuất hiện với tần số cao như: giáo dục, xã hội, Khổng Tử, văn hóa, triết học, Trung Quốc và chính trị.



Hình 3. Danh sách 10 danh mục từ khóa thứ cấp xuất hiện nhiều nhất trong các công trình nghiên cứu Kinh điển Nho gia trên EBSCO

Nguồn: EBSCO, 2020

Qua tần số từ trong nghiên cứu Kinh điển Nho gia cho thấy, các nghiên cứu của các tác giả viết bằng tiếng Anh không tập trung vào các tác phẩm kinh điển mà xem xét ở nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau và dưới góc độ liên ngành và xuyên ngành, trong đó, nhiều nhất phải kể đến giáo dục, xã hội, văn hóa, triết học và Trung Quốc. Tỷ lệ nghiên cứu Kinh điển Nho gia trong các lĩnh vực bằng tiếng Anh đồng đều hơn Tiếng Trung. Trong khi nghiên cứu bằng tiếng Anh về giáo dục xếp thứ nhất thì ở Trung Quốc, triết học đứng đầu bảng với 84 nghiên cứu vượt xa các lĩnh vực khác, còn giáo dục xếp ở vị trí thứ 10 và chỉ tính riêng lĩnh vực triết học, văn học và lịch sử Trung Quốc cổ đại đã đạt 69% (Hình 3, Hình 4).



Hình 4. Phân bố danh sách 10 lĩnh vực nghiên cứu “Kinh điển Nho gia” bằng tiếng Trung Quốc từ năm 2000 đến năm 2010

Nguồn: CNKI, 2020

Kết quả thống kê cho thấy vai trò của giáo dục trong nghiên cứu kinh điển của các tác giả quốc tế lần Trung Quốc “Bản chất của giáo dục Nho giáo là bản vị xã hội. Nhà nho tin rằng “nhân sinh bất năng vô quần”, Không tử cho rằng “trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với tập thể xã hội như nghĩa vụ mà trời đã định trước”. Các chủ đề nghiên cứu về giáo dục gồm có tư tưởng giáo dục, lý luận giáo dục, quan niệm giáo dục, nhà giáo dục, lý tưởng giáo dục, văn hóa giáo dục... trở thành hướng nghiên cứu được nhiều nhà nghiên cứu Trung Quốc lựa chọn. Các học giả nước ngoài lại tập trung nghiên cứu cải cách giáo dục, giáo dục triết học, lịch sử giáo dục và chính sách giáo dục.

4. Nhận xét

Thứ nhất, số lượng các bài báo Kinh điển Nho giáo của Trung Quốc và nước ngoài cũng như các chủ đề từ ngữ tăng dần theo thời gian và cho thấy đặc điểm phát triển nghiên cứu Kinh điển Nho giáo ở giai đoạn 2000-2010. Có thể nói, bài nghiên cứu và thuật ngữ chủ đề của nước ngoài đạt số lượng cao nhất vào năm 2009 và giảm xuống vào năm 2010, còn ở Trung Quốc, xu hướng tăng dần đều và tiếp tục tăng sau năm 2010. Từ các nghiên cứu đã hệ thống, có thể thấy rằng nghiên cứu của các học giả bằng tiếng Trung và tiếng Anh về Kinh điển Nho giáo đã dần tiến bộ và mở rộng theo thời gian.

Thứ hai, giai đoạn 2000-2007, sự phân bố của các nghiên cứu cho thấy rõ hơn sự thiếu liên tục và các tác giả nòng cốt chưa phát huy hết tiềm lực nghiên cứu trong lĩnh vực này. Do đó, trong nghiên cứu kinh điển của Nho giáo chưa hình thành được nhóm các học giả nước ngoài nòng cốt. Điều này đã được cải thiện rõ rệt từ sau năm 2007 đến nay khi thành lập được hội nghị Nho giáo thế giới và thành lập được các nhóm nghiên cứu Nho giáo mạnh. Ngày 27 tháng 9 năm 2007, hội nghị Thế giới về Nho giáo đã khởi xướng tổ chức Hội nghị quốc tế tại Viện Khổng Tử. Đến năm 2008, hội nghị Nho giáo Thế giới lần thứ nhất đã được khai mạc trọng thể tại Viện Khổng Tử Trung Quốc. Hội nghị này có sự tham gia của 172 chuyên gia và học giả từ 86 cơ sở nghiên cứu Nho giáo ở 22 quốc gia và khu vực, bao gồm Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Bỉ, Đan Mạch, Úc, Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan.

Thứ ba, nghiên cứu Kinh điển Nho giáo nước ngoài rộng hơn phạm vi nghiên cứu tại Trung Quốc. Phạm vi nghiên cứu bao gồm tất cả các lĩnh vực khoa học xã hội, trong đó 10 chủ đề chính của Kinh điển Nho giáo nước ngoài từ góc độ chủ đề tần số và đồng xuất hiện: triết học, Trung Quốc, lịch sử và ngôn ngữ; Khoa học và ảnh hưởng; Đạo đức và luân lý; Chính trị, tâm lý, phát triển, quốc tế; Xã hội, văn hóa, kinh tế, quản lý; Giáo dục, dân chủ.

Thứ tư, các học giả nước ngoài không chỉ nghiên cứu Kinh điển Nho giáo mà còn quan tâm nhiều hơn đến việc nghiên cứu ứng dụng và ảnh hưởng của việc tiếp thu, vay mượn tư tưởng và kinh nghiệm của Kinh điển Nho giáo đối với sự phát triển của xã hội đương thời. Trọng tâm là lĩnh vực khoa học xã hội, phạm vi nghiên cứu bao gồm tất cả các khía cạnh của lĩnh vực khoa học xã hội, bao gồm triết học, xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, giáo dục, ngôn ngữ và các ngành quan trọng khác trong và ngoài nước, đồng thời cũng quan trọng đến khoa học, dân chủ, và đạo đức, tâm lý học và các lĩnh vực ý thức khác cũng phải chú ý. Tuy nhiên, việc nghiên cứu khoa học tự nhiên còn thiếu tập trung, trong số 20 từ khóa thứ cấp có tần số cao không có từ khóa thuộc khoa học tự nhiên, có thể thấy việc nghiên cứu Kinh điển Nho giáo của các học giả nước ngoài chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khoa học xã hội.

Thứ năm, những vấn đề tồn tại trong nghiên cứu cho thấy trong việc lựa chọn từ ngữ chủ đề có tần số cao có sự tùy tiện chủ quan, việc xác định từ ngữ chủ đề tần số cao chủ yếu dựa vào số lượng tần số từ và tỷ lệ phần trăm tần số từ trong việc lựa chọn từ ngữ dựa trên kinh nghiệm của bản thân. Phương pháp cân bằng tỷ lệ sẽ khiến một chủ đề nghiên cứu nào đó không được công nhận, thay vào đó là hiện tượng chủ đề nóng của nghiên cứu được công nhận. Thứ hai là việc sử dụng phân tích tần số từ và đồng xuất hiện vẫn chưa thể phản ánh được toàn bộ nội dung của chủ đề. Trong phân tích tần số từ chủ đề và từ đồng nghĩa, chỉ 20 từ chủ đề có tần số cao hàng đầu, chiếm 0,44% được sử dụng và các từ có tần số thấp bị bỏ qua. Vì vậy, còn có những nghiên cứu khai phóng nhưng có thể chưa được liệt kê và tính đến bởi vì số lượng nghiên cứu đơn lẻ.

5. Kết luận

Áp dụng phương pháp tần số từ vào tìm hiểu các nghiên cứu Kinh điển Nho gia còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Kết quả phân tích tần số từ Kinh điển Nho gia trong cơ sở dữ liệu EBSCO và CNKI cho thấy, số lượng nghiên cứu có xu hướng tăng dần trong giai đoạn năm 2000-2010. Nghiên cứu về Kinh điển Nho gia trên cơ sở dữ liệu EBSCO biến động không lớn. Trong khi phong trào nghiên cứu Nho giáo ở Trung Quốc được phục hưng làm cho nghiên cứu Kinh điển Nho gia tăng nhanh cả về số lượng luận án, luận văn và các bài tạp chí chuyên ngành. Các nhà nghiên cứu nòng cốt ở Trung Quốc và thế giới có ảnh hưởng khai phóng cho các nhà nghiên cứu trẻ. Lĩnh vực các công trình nghiên cứu về Kinh điển Nho gia có các từ khóa xuất hiện với tần số cao như: văn học, sử học, triết học ở Trung Quốc và giáo dục, xã hội, Khổng học, văn hóa, triết học, Trung Quốc học, chính trị đối với các nghiên cứu ở nước ngoài.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tần số từ sẽ có những hạn chế trong kết quả nghiên cứu như bỏ qua những lĩnh vực nghiên cứu mới mang tính khai phóng vì số lượng từ tần suất thấp. Tuy nhiên, vận dụng phương pháp tần số từ trong nghiên cứu Kinh điển Nho gia đã bổ sung cơ sở phân tích định lượng, mở rộng lĩnh vực nghiên cứu khoa học và mở ra một hướng nghiên cứu mới về Kinh điển Nho gia ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Balz, E. (1990), "What is a classic?", Chapter 3, *Poetry and Community*, Tübingen: Stauffenburg, pp. 42.
- CNKI. (2020), "Kinh điển Nho gia",
<http://search.cnki.com.cn/Search/Result?content=%u5112%u5BB6%u7ECF%u5178>, truy cập ngày 27/06/2020.
- CNKI. (2020), "儒家经典",
https://kns.cnki.net/kns/brief/Default_Result.aspx?code=CIDX&kw=%e5%84%92%e5%ae%b6%e7%bb%8f%e5%85%b8&korder=1&sel=1, truy cập ngày 20/07/2020.
- EBSCO. (2020), "Confucian classics",
<https://www.ebsco.com/title-lists?title=Confucian+classics>, truy cập ngày 27/06/2020.
- Li, J.R. (2002), "专利信息与版权", Intellectual Property Publishing House, pp. 441 - 445.
- Luhn, H.P. (1958), "The automatic creation of literature abstracts", *IBM Journal of Research and Development*, Vol. 2, pp. 159 - 165.
- Ma, S.J. (2014), "国外学者儒家经典研究的词频分析", *Gansu Science and Technology*, Vol. 30 No. 24, pp. 104 - 106.
- Ponte, J. & Croft, B. (1998), "A language modeling approach to information retrieval", *Proceedings of the 21st annual international ACM/SIGIR Conference on Research and Development in Information Retrieval (Melbourne)*, pp. 275 - 281.
- Spärck, J.K. (1972), "A statistical interpretation of term specificity and its application in retrieval", *Journal of Documentation*, Vol. 28 No. 1, pp. 11 - 21.
- Tian, X. & Yanmei, C. (2010), "An improvement to TF: Term distribution based term weight algorithm", *Journal of Software*, Vol. 6 No. 3, pp. 413 - 420.
- Turtle, H.R. & Croft, W.B. (1992), "A comparison of text retrieval models", *The Computer Journal*, Vol. 35 No. 3, pp. 279 - 290.
- Wong, S.K.M. & Yao, Y.Y. (1995), "On modeling information retrieval with probabilistic inference", *ACM Transactions on Information Systems (TOIS)*, Vol. 13 No. 1, pp. 38 - 68.
- Xu, S. (2012), *Shuowen jiezi 说文解字*, Tianjin Ancient Books Publishing House, pp. 1053 - 1054.
- Yang, W.L. (2016), "Statistical analysis of cofucian classics study by chinese scholars", *Library Work and Study*, Vol. 1 No. 9, pp. 95 - 98.